

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1933/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3267/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt, phân loại theo mã HS 2922.42.20, được nhập khẩu vào Việt Nam, có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (mã vụ việc AD09), với nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chấm dứt hiệu lực Quyết định số 881/QĐ-BCT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (08).



Trần Tuấn Anh

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a

(Kèm theo Quyết định số 1933/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

Các sản phẩm bột ngọt (còn được gọi là mỳ chính, Monosodium Glutamate, MSG, Mononatri glutamat, Monosodium L-glutamate, Sodium glutamate, Muối natri của acid glutamic).

b) Mục đích sử dụng chính

- Sử dụng trong chế biến thực phẩm, nấu ăn: Bột ngọt được người tiêu dùng sử dụng trực tiếp trong việc chế biến món ăn;
- Sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm gia vị khác như bột/hạt nêm, bột canh;
- Sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm thực phẩm chế biến sẵn, nước chấm và nước sốt, mì gói;
- Sử dụng một khối lượng nhỏ hơn trong các sản phẩm không phải thực phẩm, chẳng hạn như chất tẩy rửa, mỹ phẩm và dược phẩm.

c) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Hiện tại, hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức được phân loại theo mã HS sau: 2922.42.20.

Mã số	Mô tả hàng hóa	Thuế ụu đãi	ACFTA	ATIGA
Phần VI	SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT HOẶC CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP LIÊN QUAN			
Chương 29	Hóa chất hữu cơ			
2922	Hợp chất amino chức oxy.			
	- Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng:			
2922.42	- - Axit glutamic và muối của nó:			
2922.42.20	- - - <i>Muối natri của axit glutamic (MSG)</i>	20%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

2. Nước sản xuất/xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá là hàng hóa có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) và nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (In-đô-nê-xi-a).

3. Mức thuế và danh sách các công ty bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Bảng 1: Mức thuế chống bán phá giá chính thức

STT	Tên công ty sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá chính thức
	Cột 1	Cột 2	Cột 3
TRUNG QUỐC			
1	Xinjiang Meihua Amino Acid Co., Ltd.	- Meihua Group International Trading (Hong Kong) Limited	4.622.472 đồng/tấn
2	Tongliao Meihua Biological Sci-Tech Co., Ltd.	- Meihua Holdings Group Co., Ltd. - Langfang Meihua Seasoning Co., Ltd.	
3	No.1 Branch of Tongliao Meihua Bio-Technology Co., Ltd.	- Tongliao Meihua Flavouring Food Co., Ltd.	
4	Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co., Ltd.	- Fufeng (Hong Kong) Import & Export Company Limited	3.529.958 đồng/tấn
5	Neimenggu Fufeng Biotechnologies Co., Ltd	- Wuxi Mifun International Trade Co., Ltd - Fufeng Marketing Co., Ltd	

STT	Tên công ty sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá chính thức
	Cột 1	Cột 2	Cột 3
6	Baoji Fufeng Biotechnologies Co., Ltd	- Shandong Fufeng Fermentation Co., Ltd - Qingdao Wanchuang International Trade Co., Ltd	
7	COFCO Bio-Chemical Energy (Longjiang) Co., Ltd.	Jilin COFCO Bio-Chem & Bio-Energy Marketing Co., Ltd	5.069.249 đồng/tấn
8	Các công ty khác xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		6.385.289 đồng/tấn
IN-ĐÔ-NÊ-XI-A			
9	Các công ty sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ In-đô-nê-xi-a		5.289.439 đồng/tấn

4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

a) Hiệu lực

Thuế chống bán phá giá chính thức có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2020.

b) Thời hạn áp dụng

Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức là 05 (năm) năm kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức có hiệu lực (trừ trường hợp được thay đổi theo Quyết định khác của Bộ Công Thương căn cứ trên kết quả rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá).

5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Bước 1: Kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)

- Trường hợp 1: Nếu không xuất trình được C/O thì áp dụng mức thuế chống bán phá giá chính thức là 6.385.289 đồng/tấn.

- Trường hợp 2: Nếu xuất trình được C/O từ các nước, vùng lãnh thổ khác không phải Trung Quốc hoặc In-đô-nê-xi-a thì không phải nộp thuế chống bán phá giá chính thức.

- Trường hợp 3: Nếu xuất trình được C/O từ In-đô-nê-xi-a thì áp dụng mức thuế chống bán phá giá chính thức là 5.289.439 đồng/tấn.

- Trường hợp 4: Nếu xuất trình được C/O từ Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của công ty sản xuất chứng minh tên nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận công ty sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu không xuất trình được Giấy chứng nhận công ty sản xuất thì nộp mức thuế chống bán phá giá chính thức là 6.385.289 đồng/tấn.

- Trường hợp 2: Nếu xuất trình được Giấy chứng nhận công ty sản xuất nhưng không trùng với tên của một trong các công ty sản xuất, xuất khẩu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì nộp mức thuế chống bán phá giá chính thức là 6.385.289 đồng/tấn.

- Trường hợp 3: Nếu xuất trình được Giấy chứng nhận công ty sản xuất từ Trung Quốc trùng với tên của các công ty nêu tại Cột 1 Điều 3 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên công ty xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên công ty xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán và hóa đơn thương mại) trùng với tên của công ty sản xuất, xuất khẩu tại Cột 1 hoặc công ty thương mại liên quan tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 3 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên công ty xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại) không trùng với tên của công ty sản xuất, xuất khẩu tại Cột 1 hoặc các công ty thương mại liên quan tương ứng theo hàng

ngang tại Cột 2 Mục 3 của Thông báo này thì nộp mức thuế chống bán phá giá chính thức là 6.385.289 đồng/tấn.

6. Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá

Trong trường hợp mức thuế chống bán phá giá chính thức thấp hơn mức thuế chống bán phá giá tạm thời, khoản chênh lệch thuế đã nộp sẽ được hoàn trả theo quy định tại khoản 5 Điều 68 của Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14. Chênh lệch mức thuế chống bán phá giá chính thức và tạm thời cụ thể như sau:

Bảng 2: Chênh lệch mức thuế chống bán phá giá chính thức và tạm thời

STT	Tên công ty sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá tạm thời	Mức thuế chống bán phá giá chính thức	Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá
			(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
TRUNG QUỐC					
1	Xinjiang Meihua Amino Acid Co., Ltd.	- Meihua Group International Trading (Hong Kong) Limited	3.832.982 đồng/tấn	4.622.472 đồng/tấn	789.490 đồng/tấn
2	Tongliao Meihua Biological Sci-Tech Co., Ltd.	- Meihua Holdings Group Co., Ltd.			
3	No.1 Branch of Tongliao Meihua Bio-Technology Co., Ltd.	- Langfang Meihua Seasoning Co., Ltd. - Tongliao Meihua Flavouring Food Co., Ltd.			

STT	Tên công ty sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá tạm thời	Mức thuế chống bán phá giá chính thức	Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá
			(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
4	Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co., Ltd.	- Fufeng (Hong Kong) Import & Export Company Limited			
5	Neimenggu Fufeng Biotechnologies Co., Ltd	- Wuxi Mifun International Trade Co., Ltd - Fufeng Marketing Co., Ltd	2.889.245 đồng/tấn	3.529.958 đồng/tấn	640.713 đồng/tấn
6	Baoji Fufeng Biotechnologies Co., Ltd	- Shandong Fufeng Fermentation Co., Ltd - Qingdao Wanchuang International Trade Co., Ltd			
7	COFCO Bio-Chemical Energy (Longjiang) Co., Ltd.	Jilin COFCO Bio-Chem & Bio-Energy Marketing Co., Ltd	5.045.576 đồng/tấn	5.069.249 đồng/tấn	23.673 đồng/tấn
8	Các công ty khác xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		6.385.289 đồng/tấn	6.385.289 đồng/tấn	0 đồng/tấn

STT	Tên công ty sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá tạm thời	Mức thuế chống bán phá giá chính thức	Mức chênh lệch thuế chống bán phá giá
			(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
IN-ĐÔ-NÊ-XI-A					
9	Các công ty xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ In-đô-nê-xi-a		5.289.439 đồng/tấn	5.289.439 đồng/tấn	0 đồng/tấn

- Trong trường hợp mức chênh lệch thuế chống bán phá giá tại Cột (3) Bảng 2 Mục 6 nhỏ hơn 0 (không), doanh nghiệp được hoàn lại khoản chênh lệch thuế chống bán phá giá đã nộp.

- Trong trường hợp mức chênh lệch thuế chống bán phá giá tại Cột (3) Bảng 2 Mục 6 lớn hơn hoặc bằng 0 (không), doanh nghiệp không bị truy thu khoản chênh lệch thuế chống bán phá giá.

7. Trình tự thủ tục tiếp theo

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư 37/2019/TT-BCT, Cơ quan điều tra sẽ thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn trừ sau khi Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chính thức.

Căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan và Cơ quan hải quan cung cấp thông tin về tình hình nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng áp thuế chống bán phá giá chính thức.